

BỘ XÂY DỰNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA

NGUYỄN THÀNH CÔNG

CHUYỂN ĐỔI KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC LÀNG CỔ
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Chuyên ngành: **KIẾN TRÚC**

Mã số: **9.58.01.01**

HÀ NỘI - 2023

**LUẬN ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. TS. LÊ THỊ BÍCH THUẬN**
- 2. TS. TRẦN MAI ANH**

Phản biện 1: GS.TS.

Phản biện 2: GS.TS.

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án

Tiến sỹ cấp cơ sở tại Viện Kiến trúc Quốc gia

Vào hồi giờ ngày tháng.... năm 2024

MỞ ĐẦU

1. Sự cấp thiết của việc nghiên cứu

Đông Nam Bộ (ĐNB) ngày nay là khu vực bao gồm 6 tỉnh, thành phố là: thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, có diện tích tự nhiên khoảng 23.605 km², chiếm 7,1% diện tích cả nước với nhiều lợi thế và nguồn lực, khu vực ĐNB được coi là khu vực phát triển kinh tế năng động với mức tăng trưởng cao. ĐNB là vùng có hệ thống đô thị, khu công nghiệp và hệ thống giao thông hạ tầng kỹ thuật phát triển mạnh, biểu hiện cho đô thị hóa đã phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu.

Khoảng những năm 2010, ban quản lý di tích các tỉnh thành vùng ĐNB đã lập đề án công nhận di tích, di sản trong đó có hệ thống các ngôi làng truyền thống, làng nghề và 14 làng cổ có niên đại từ 300 đến 100 năm. Cho đến nay, đề án trên vẫn chưa được chính quyền phê duyệt và chưa có kế hoạch cụ thể đối với hệ thống các ngôi làng này, các hoạt động bảo tồn và hỗ trợ hoạt động chỉ diễn ra nhỏ lẻ tại các điểm di tích được Bộ Văn hóa công nhận.

Qua thời gian hình thành và phát triển hàng trăm năm, tuy được đánh giá là vẫn còn lưu giữ được nhiều các giá trị về không gian kiến trúc và lối sống truyền thống làng cổ vùng ĐNB, nhưng thực tế cho đến nay các giá trị đặc trưng này còn chưa được khảo sát đánh giá đầy đủ, cũng như còn thiếu những nghiên cứu một cách hệ thống về ảnh hưởng của sự chuyển đổi chính sách - kinh tế - xã hội - môi trường dẫn đến sự chuyển đổi không gian tại các chính các ngôi làng cổ. Nhận diện các giá trị về không gian làng cổ vùng ĐNB thích ứng với quá trình phát triển kinh tế, xã hội là cách để khơi dậy một thế mạnh bị bỏ quên, tránh để một làng cổ tiêu biểu cho giá trị văn hoá sống cư dân vùng Nam Bộ bị mai một, góp phần tích cực cho sự phát triển chung của xã hội, thúc đẩy sự phát triển, tạo nên giá trị và ưu thế nhận diện đặc trưng về không gian, hướng đến các giá trị phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu đề tài là rất cần thiết.

2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu sự chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ nhằm định hướng phát triển và bảo tồn không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

- Không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB.

b. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Giới hạn trong các tỉnh thành thuộc khu vực ĐNB Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai và Tây Ninh.

Phạm vi tập trung vào 14 làng cổ vùng Đông Nam Bộ dựa trên danh sách các làng truyền thống, làng cổ do ban quản lý di tích các tỉnh thành thuộc khu vực ĐNB tổng hợp.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp khảo cứu lịch sử; Phương pháp điều tra, thu thập và đánh giá; Phương pháp so sánh; Phương pháp chồng lớp bản đồ; Phương pháp mô hình hóa; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp dự báo.

5. Nội dung nghiên cứu

1. Làm rõ các khái niệm, định nghĩa liên quan đến không gian kiến trúc làng cổ, nghiên cứu, đánh giá thực trạng KGKT làng cổ ĐNB

2. Nhận diện quá trình chuyển đổi & các giá trị: Cấu trúc, KG cảnh quan làng cổ và công trình kiến trúc dựa trên hệ thống tiêu chí lựa chọn làng cổ, nghiên cứu quá trình chuyển đổi kết hợp với kết quả khảo sát thực tế

3. Phân loại, chọn mẫu tiêu biểu và tiến hành đánh giá giá trị không gian kiến trúc, đề xuất các tiêu chí nhận diện mức độ chuyển đổi

4. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc làng cổ phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội đối với từng thể loại làng được đánh giá và phân loại.

5. Ứng dụng kết quả nghiên cứu thí điểm trường hợp làng Phú Hội.

6. Những đóng góp mới của luận án

1. Hệ thống hóa lý luận về làng cổ ĐNB, xác định các giá trị không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB.

2. Nhận diện sự chuyển đổi của không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của vùng Đông Nam Bộ.

3. Xây dựng hệ tiêu chí xác định mức độ chuyển đổi của các làng cổ vùng Đông Nam Bộ.

4. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc đối với từng thể loại làng cổ được đánh giá và phân loại

5. Đề xuất mô hình và giải pháp tổ chức không gian kiến trúc làng cổ Phú Hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

a. Ý nghĩa khoa học

- Bổ sung vào hệ thống lý luận để đánh giá thực trạng KGKT làng cổ ĐNB trên cơ sở các quy luật chuyển đổi KGKT làng cổ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết quả nghiên cứu được sử dụng trong các cơ sở đào tạo và giáo dục về kiến trúc xây dựng trong lĩnh vực xây dựng nông thôn.

b. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu là tài liệu hỗ trợ cho các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương, các tổ chức... trong xây dựng và kiến tạo các cơ chế, chính sách, quy chế về phát triển các làng cổ thuộc ĐNB trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay.

- Tạo điều kiện cho cộng đồng hiểu biết được sự chuyển đổi giá trị kiến trúc làng xã để từ đó có những ứng xử phù hợp trong kế hoạch phát triển trong tương lai.

9. Một số khái niệm

Giới thiệu các khái niệm, thuật ngữ được sử dụng trong luận án: Làng, Làng cổ, Làng cổ vùng Đông Nam Bộ, Không gian kiến trúc, Không gian kiến trúc làng cổ, Chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC LÀNG CỔ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

1.1. Tổng quan hình thành và phát triển làng cổ vùng Đông Nam Bộ

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Địa bàn ĐNB là khu vực chuyển tiếp giữa trung du và đồng bằng với địa hình bán sơn nguyên, thế đất cao, gồm nhiều đồi, gò, nhiều rừng già, là khu vực nhiệt đới gió mùa, là một vùng đồng bằng phù sa, phần lớn là những vùng thềm phù sa cổ (vùng đất xám) và sơn nguyên đất đỏ.


Miền ĐNB đa dạng về địa hình thiên nhiên, với đặc trưng rừng núi, xen lẫn với đồng bằng, gò, sông ngòi, hồ, biển cả. Do đó các loại hình cư trú nơi đây cũng tương ứng với địa hình thiên nhiên như cư trú trên gò, đồi, ven rừng, ven sông, trên đảo của hồ (như hồ Dầu Tiếng ở Tây Ninh), ven biển...

1.1.2. Đặc điểm dân cư

Nông thôn vùng ĐNB với lịch sử hình thành lâu đời, sự đa dạng về thành phần, nguồn gốc dân cư đã hội tụ, kết tinh phong phú những hoạt động văn hoá - xã hội - kinh tế. Nơi đây có khoảng 36 tộc người cộng cư, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Người Việt chiếm đa số, dân tộc bản địa là người Choro, Mạ, S'tiêng, Koho... Các cộng đồng dân cư đến mảnh đất này vào nhiều thời kỳ khác nhau trong lịch sử.

1.1.3. Đặc điểm phân bố làng cổ vùng ĐNB

Bảng 1. 1. Thống kê số lượng đình làng/ làng trên địa bàn ĐNB (nguồn: tác giả tổng hợp)

TT	Tỉnh/Thành phố	Số lượng đình làng/làng	Niên đại	
1	TP. Hồ Chí Minh	297 đình	1679-1820	
2	Đồng Nai	141 đình	Từ 1802	
	TP Biên Hòa	33		
3	Bình Dương	112 đình	Từ 1820	
4	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	39 đình	1788-1889	
	Tỉnh Bà Rịa	36 đình		
	TP Vũng tàu	3 đình		
5	Tây Ninh	70 thôn/làng	1859-1954	
	Huyện Trảng Bàng	8 đình		
6	Bình Phước	6 đình thân	1850-1962	Bản đồ phân bố làng vùng ĐNB

Theo thống kê như ở bảng trên, có thể ước lượng vùng ĐNB có khoảng 700 thôn, làng đã được thành lập vào giai đoạn từ trước năm 1975. Số lượng làng tập trung lớn nhất ở vùng trung du (TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai) và ít hơn ở vùng ven biển và đồi núi.

1.1.4. Đặc điểm cấu trúc không gian làng vùng ĐNB

Khác với không gian các làng cổ Bắc bộ, không gian làng khép kín, bó gọn trong 1 khuôn viên, xung quanh là tường rào tre đôi khi có cả giao thông hào, có cổng làng, làng cổ ĐNB lại là không gian mở được hình thành dọc theo các con sông hoặc đường bộ luôn gắn liền với những con sông, con rạch luôn gắn liền với những mặt nước, không có tường rào, không có cổng làng, không bị bó hẹp, đất đai không bị manh mún, cát cứ.

Trong quá trình di dân từ phía Bắc xuống phía Nam người dân Ngũ Quảng đã đem theo đến nơi định cư mới phong tục ông bà tổ tiên, tri thức sản xuất tập quán sản xuất, với 1 số nghề truyền thống (trồng cây công nghiệp, đóng tàu, rèn, đúc đồng, đồ gốm, dệt may, nghề mộc...) hình thành các làng cổ.

Sự chuyển đổi không gian các làng cổ dần dần do dân số tăng nhanh đất đai trở nên chật hẹp nên làng cổ đã thích nghi bằng cách phù hợp với cuộc sống mới, các cổng tường rào xuất hiện với các công trình công cộng như trụ sở, trường học, nhà trẻ, trạm y tế. Những con đường được mở ra nhiều chia cắt dọc ngang những làng cổ để phát triển kinh tế. Những ngôi nhà cổ bị xuống cấp nghiêm trọng đã được người dân tự đập đi xây nhà mới... Tất cả tạo nên bộ mặt khác nhiều so với làng cổ trước kia. Bên cạnh việc đô thị hóa còn có việc xây dựng nông thôn mới khiến cho không gian làng cổ ĐNB khác xưa rất nhiều.

1.1.5. Đặc điểm kiến trúc làng vùng ĐNB

- Công trình kiến trúc công cộng truyền thống: Hầu hết các công trình công cộng truyền thống ở làng cổ vùng ĐNB ở đã qua nhiều lần trùng tu. “Thửa sơ khai, do khổng chế của triều đình nên nhà cửa, nơi thờ phụng của dân Nam Bộ có giàu lắm cũng không được lập ngôi”. Bởi vậy đình miếu đều có quy mô nhỏ, thường lợp lá. Từ thế kỷ 19, đình miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô. Những đình còn giữ được kiểu kiến trúc cổ nhất như đình Phú Mỹ, đình An Hòa.

- Kiến trúc công trình công cộng xây mới: Đó là những công trình trụ sở, trường học, nhà văn hóa và chợ dân sinh... được xây dựng nhưng thường được

xây dựng theo nhiều thiết kế khác nhau và trải đều khắp các thôn, xã. Tuy nhiên, những tòa nhà này thiếu phong cách kiến trúc đặc trưng, đặc trưng của di sản văn hóa khu vực. Hơn nữa, sự phát triển nhanh chóng của các “Làng văn hóa”, “Xã văn hóa” và “Nhà văn hóa” đã dẫn đến việc sản xuất hàng loạt các tòa nhà có chức năng cơ bản và thiếu các yếu tố kiến trúc truyền thống cần thiết cho di sản văn hóa của khu vực. Những tòa nhà này được xây dựng chỉ nhằm mục đích sử dụng thuần túy và không phản ánh phong cách kiến trúc độc đáo đặc trưng của khu vực.

- Kiến trúc nhà ở: Tại một số làng được công nhận di tích vẫn lưu giữ được các ngôi nhà cổ truyền thống (biệt thự kiến trúc Pháp - Việt, nhà rường), khuôn viên có sân vườn rộng, cây xanh bóng mát tại các làng cổ đặc trưng cho vùng ĐNB. Kiến trúc công trình ở truyền thống ở các làng cổ ĐNB có 5 dạng, bao gồm: (1) nhà chữ Đinh, (2) nhà chữ Nhị, (3) Nhà ba gian (4) Nhà ba gian hai chái (5) Nhà ba gian song song.

1.2. Tổng quan thực trạng phát triển một số làng cổ vùng ĐNB

- Làng Phú Hội (Đồng Nai); Làng Hiệp Phước (Đồng Nai); Làng Bà Điểm (TP Hồ Chí Minh); Làng Long Điền (Bà Rịa Vũng Tàu); Làng Tân Thành (Bà Rịa Vũng Tàu); Làng Thạnh Mỹ (Bà Rịa Vũng Tàu); Làng Long Hương (Bà Rịa Vũng Tàu); Làng Tân Triều (Đồng Nai); Làng Phú Xuân (TP Hồ Chí Minh); Làng Lái Thiêu (Bình Dương); Làng Dĩ An (Bình Dương), Làng Bình Tịnh (Tây Ninh); Làng Gia Lộc (Tây Ninh); Làng Lộc Thiện (Bình Phước).

1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Bao gồm: Các công trình nghiên cứu khoa học, sách, tài liệu chuyên ngành; luận án tiến sĩ; các dự án. Có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến kiến trúc cổ, lịch sử hình thành và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của một số làng cổ vùng ĐNB. Các tác giả tổng hợp nhiều thông tin quý, có giá trị, tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu quá trình chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB.

1.4. Những vấn đề luận án quan tâm giải quyết

1. Nhìn nhận quá trình chuyển đổi về không gian và hệ thống các giá trị tiêu biểu về không gian hiện nay của hệ thống làng cổ vùng Đông Nam Bộ.

2. Đề xuất các phương pháp nhận diện và đánh giá quá trình chuyển đổi không gian làng cổ vùng ĐNB, trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

3. Nghiên cứu định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan làng cổ vùng Đông Nam Bộ gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

CHƯƠNG 2. CÁC CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ NHẬN DIỆN QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI KHÔNG GIAN LÀNG CỔ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

2.1. Cơ sở pháp lý

- *Quốc tế*: Các hiến chương, công ước quốc tế về bảo tồn và trùng tu di tích, Các cơ sở pháp lý quốc tế liên quan đến di sản kiến trúc làng cổ.

- *Các văn bản pháp lý/ quy định của Nhà nước liên quan*: Luật Di sản văn hóa số: 28/2001/QH10, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14, Luật Quy hoạch số: 21/2017/QH14... và các Quyết định của Thủ tướng liên quan đến Chương trình Nông thôn mới.

- *Các nội dung đề án liên quan*: quy hoạch kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch vùng ĐNB, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết...

2.2. Cơ sở lý thuyết

Luận án nghiên cứu một số lý thuyết liên quan đến sự chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ, Lý thuyết về quy hoạch cải tạo chỉnh trang làng, bảo tồn kế thừa các giá trị kiến trúc, làng nghề truyền thống; Lý thuyết về đô thị hóa và xu hướng chuyển đổi làng truyền thống;

2.3. Các yếu tố tác động làm chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ Đông Nam Bộ

Các yếu tố về kinh tế, xã hội

Các yếu tố về môi trường tự nhiên

Vai trò tham gia của cộng đồng

2.4. Cơ sở thực tiễn về chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB

- *Thực tiễn chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ trên thế giới*: Phát triển không gian làng cổ ở Bắc Kinh (Trung Quốc), Quá trình chuyển đổi của 8 làng truyền thống Thái tại huyện Phrapradaeng, tỉnh Samutprakarn.

- *Thực tiễn chuyển đổi không gian kiến trúc ở các làng cổ Việt Nam*: Bảo tồn và chuyển đổi phục vụ hoạt động du lịch tại làng cổ Đường Lâm (Hà Nội),

Phân vùng bảo tồn làng cổ Phước Tích (Thừa Thiên Huế)

- *Thực tiễn chuyển đổi các làng cổ vùng ĐNB*

Các giai đoạn chuyển đổi: Giai đoạn trước năm 1975, Giai đoạn 1975-1985, Giai đoạn 1986-2005, Giai đoạn 2006-nay.

Các hình thức chuyển đổi: Tương ứng với các địa hình tự nhiên, cư dân miền ĐNB thường tụ cư trên những loại hình chủ yếu (1) Cư trú bìa rừng, (2) Cư trú dạng nhà vườn, (3) Cư trú trên cù lao, (4) Cư trú dọc theo sông, rạch, (5) Cư trú ven biển, (6) Cư trú trên giồng, đồi, gò phù sa cổ, (7) Cư trú quanh các bàu suối. Qua các giai đoạn phát triển, hình thức cư trú tại các đặc trưng địa hình kể trên đã có sự chuyển đổi.

2.5. Cơ sở đề xuất tiêu chí phân loại mức độ chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB

- Thực trạng bảo tồn làng cổ: Bảo tồn cảnh quan tự nhiên, Bảo tồn nghề truyền thống, Bảo tồn cấu trúc làng truyền thống.

- Chương trình nông thôn mới

- Khả năng thích ứng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội

CHƯƠNG 3: NHẬN DIỆN XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC LÀNG CỔ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

3.1. Quan điểm và mục tiêu

Quan điểm

- Tuân thủ quy định pháp luật, định hướng phát triển của Nhà nước, các quy chuẩn tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc nhằm dễ dàng hiện thực hóa và triển khai cụ thể trong tương lai.

- Kế thừa và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, yêu cầu từ các Hiến chương quốc tế về bảo tồn về bảo tồn không gian làng.

- Tạo lập không gian linh hoạt tùy thuộc vào đặc tính, chức năng của từng không gian sẽ có những quan điểm ứng xử khác nhau.

Mục tiêu

- Mục tiêu 1: Nhận diện để gìn giữ các đặc tính lịch sử của các làng cổ ĐNB, bao gồm môi trường tự nhiên, con người và nhiều chức năng khác mà không gian làng cổ ĐNB có được qua thời gian.

- Mục tiêu 2: Quản lý, tiếp cận thận trọng đối với các di sản và các giá trị đặc trưng của địa phương dựa trên ý nghĩa văn hoá, có nghĩa là các giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học, xã hội hoặc tinh thần đối với các thế hệ quá khứ, hiện tại và tương lai.

- Mục tiêu 3: Đảm bảo sự tham gia, sự cộng sinh của các giá trị văn hóa, các hình thức xã hội, các loại hình kinh tế cũ và mới được phát triển hài hòa.

3.2. Nguyên tắc

Nguyên tắc chuyển đổi các không gian thành phần

(1) Đối với không gian di sản: bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên không đóng khung mà theo hướng “không gian mở” mà dựa trên những phương pháp tổ chức chuyển đổi KG di sản nhằm thích ứng với nhu cầu sử dụng thực tế của người dân và định hướng phát triển chung của địa phương.

(2) Đối với không gian cũ: cải tạo chỉnh trang KG cũ đang bị xuống cấp, tạo không gian đệm nhằm bảo vệ khu vực di sản. Tiềm năng phát triển không gian đệm của làng cổ ĐNB phần lớn là khả thi do quỹ đất công cộng và đất cây xanh còn nhiều.

(3) Đối với không gian mở rộng: thêm KG mới phù hợp với lối sống đương đại (bao gồm sinh hoạt và sản xuất) và định hướng nông thôn mới bên cạnh việc gìn giữ các giá trị các giá trị truyền thống như: sinh hoạt, lối sống và sản xuất. Tại các không gian mở rộng, tích hợp các cơ sở hạ tầng hiện đại đảm bảo môi trường sống lành mạnh và phát triển bền vững trong tương lai.

(4) Đối với không gian mới xen cấy trong phạm vi làng cổ: các công trình công cộng, UBND, trạm thông tin... khi xây dựng hoặc cải tạo phải phù hợp, tương thích với ngôn ngữ không gian làng.

3.3. Nhận diện xu hướng chuyển đổi KGKT làng cổ vùng Đông Nam Bộ

3.3.1. Xây dựng hệ tiêu chí phân loại mức độ chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB

Mức độ chuyển đổi không gian, có thể phân ra thành 3 dạng chính:

(i) Dạng 1: Gần như còn nguyên trạng

(ii) Dạng 2: Chuyển đổi một phần

(iii) Dạng 3: Biến đổi hoàn toàn

Bảng 3. 1. Tiêu chí phân loại mức độ chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ

Tiêu chí		Đặc điểm, tính chất	Điểm quy đổi (100)
1	Nghề truyền thống	- Nghề truyền thống vẫn được bảo tồn bên cạnh nhiều sinh kế mới xuất hiện theo tiến trình đô thị hóa	20
		- Không còn giữ nghề truyền thống cũ, hoặc nghề truyền thống đã chuyển đổi sang công nghiệp hóa hoàn toàn	0
2	Cảnh quan thiên nhiên đặc hữu	- Có sự đan xen giữa chuyển đổi, tuy nhiên các đặc trưng chính của cảnh quan nông thôn (diện tích canh tác, đặc trưng địa hình...) vẫn tồn tại	25
		- Cảnh quan làng đã chuyển đổi sang hướng đô thị hóa, không còn hoặc còn rất ít các đặc trưng cảnh quan nông thôn và nông nghiệp.	0
3	Cấu trúc không gian làng truyền thống	- Cấu trúc giao thông truyền thống còn giữ, nhưng phát triển thêm ở những vùng mới.	25
		- Hệ thống giao thông đường làng ngõ xóm cũ thay đổi căn bản	20
		- Các không gian chức năng mới xuất hiện đan xen chức năng cũ	10
		- Nhiều khu vực chức năng mới xuất hiện và thay thế hầu hết các khu chức năng truyền thống	0
4	Công trình công cộng truyền thống (tôn giáo, công cộng...)	- Công trình công cộng truyền thống vẫn còn, bên cạnh đó nhiều công trình và không gian công cộng chức năng mới được xây dựng đan xen.	20
		- Công trình công cộng truyền thống đã biến đổi hoàn toàn về hình thái	10
		- Các không gian công cộng truyền thống đã biến mất hoàn toàn, xuất hiện các không gian công cộng mới mang tính chất đô thị	0
5	Nhà ở truyền thống	- Nhà ở vẫn giữ nguyên kiểu truyền thống, ít biến đổi, không xuất hiện những hình thức cư trú mới.	10
		- Xuất hiện nhà ở dạng mới, hoặc chuyển đổi từ nhà cũ, trong khi nhà ở kiểu truyền thống vẫn tồn tại và được tôn tạo.	5

	- Các nhà ở đã có sự thay đổi về cấu trúc cũng như hình thức	0
--	--	---

Bảng 3. 2. Phân loại các dạng thức chuyển đổi dựa trên điểm đánh giá tiêu chí

	Dạng 1: Gần như còn nguyên trạng	Dạng 2: Chuyển đổi một phần	Dạng 3: Biến đổi hoàn toàn
Điểm quy đổi	80-100	50-80	0-50

Dựa trên các yếu tố này, sự chuyển đổi các loại hình không gian ở 14 làng cổ tại ĐNB sẽ được phân loại để đưa ra những định hướng can thiệp phát triển. Chẳng hạn như khu vực có sự biến đổi chậm về cả kinh tế lẫn xã hội là các làng nằm phía Tây vùng ĐNB, đó là các làng Bình Tịnh, Gia Lộc (ở Tây Ninh) và làng Công Tra Lộc Thiện (ở Bình Phước). Các làng này sẽ được phân loại vào dạng 1: Gần như còn nguyên trạng. Còn các làng Lái Thiêu (TP Thuận An, Bình Dương), làng Dĩ An (TP Dĩ Anh, Bình Dương) có sự phát triển mạnh tại chỗ nhờ hoạt động nghề gốm truyền thống và các dịch vụ khác, cơ cấu không gian gần như đã hoàn toàn thay đổi so với truyền thống, sẽ được xếp vào dạng 3.

3.3.2. Nhận diện xu hướng chuyển đổi cấu trúc không gian

- *Chuyển đổi cấu trúc không gian làng dạng nhà vườn*: Các làng có dạng nhà vườn thường có ưu thế về mặt vị trí địa lý: nằm trên nền bằng phẳng và giao thông đường bộ thuận tiện, do vậy, phần lớn các làng dạng nhà vườn lâu đời ở vùng Đông Nam Bộ đều chịu tác động của quá trình CNH-HĐH.

- *Chuyển đổi cấu trúc không gian làng dạng ven sông, rạch*: Các làng dạng ven sông, rạch có ưu thế về cả giao thông đường bộ và giao thông đường thủy, do vậy, bên cạnh các hoạt động nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (vì vậy, các làng dạng ven sông rạch thường là các làng nghề) thì các hoạt động thương mại cũng diễn ra từ giai đoạn hình thành làng. Cho đến nay, quá trình phát triển kinh tế, xã hội, hiện đại hóa, đô thị hóa đã tác động tiêu cực làm mất dần các giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan, văn hóa truyền thống của các làng cổ. Hệ thống đường làng được bê tông hóa, các công trình kiến trúc sử dụng các VLXD tùy tiện thiếu đầu tư, nghiên cứu làm cho hình ảnh tại các làng trở nên khô cứng, thiếu bản sắc.

- *Chuyển đổi cấu trúc không gian làng cư trú trên cù lao*: Các làng cư trú trên cù lao nằm ở khu vực mở rộng của các trung tâm đô thị, do vậy, quá trình

đô thị hóa diễn ra nhanh chóng. Các hoạt động nông nghiệp và thủ công có xu hướng biến mất, thay thế bởi các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khu vực đô thị, đồng thời diễn ra quá trình đô thị hóa tại chỗ.

- *Chuyển đổi cấu trúc không gian làng dạng ven bìa rừng*: Với các làng dạng ven bìa rừng thì cảnh quan tự nhiên hiện nay ở toàn bộ khu vực đều giữ được nhiều nét hoang sơ, do vậy, hình ảnh về những ngôi làng nông thôn vẫn còn duy trì được rõ nét.

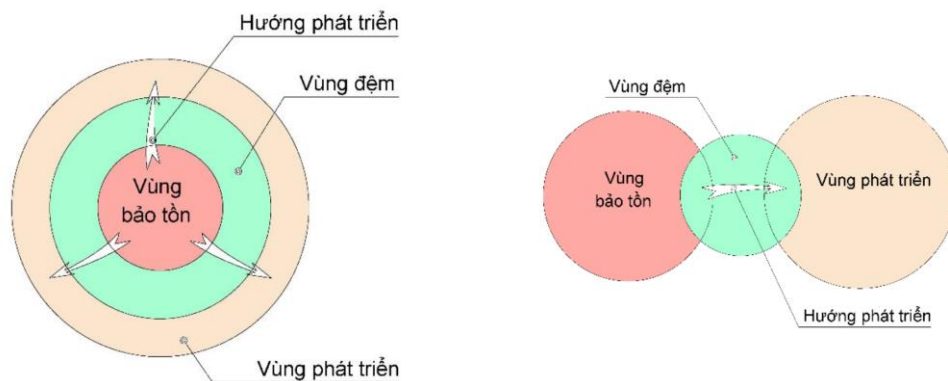
3.3.3. Nhận diện chuyển đổi công trình kiến trúc nhà ở truyền thống

- Chuyển đổi về khuôn viên, cảnh quan
- Chuyển đổi về mặt bằng
- Chuyển đổi về hình thức kiến trúc

3.4. Đề xuất cấu trúc không gian làng cổ vùng ĐNB

Phân chia các không gian làng cổ vùng ĐNB

- Khu vực bảo vệ và phát huy di sản
- Khu vực di sản
- Không gian kết nối
- Các không gian dự trữ phát triển



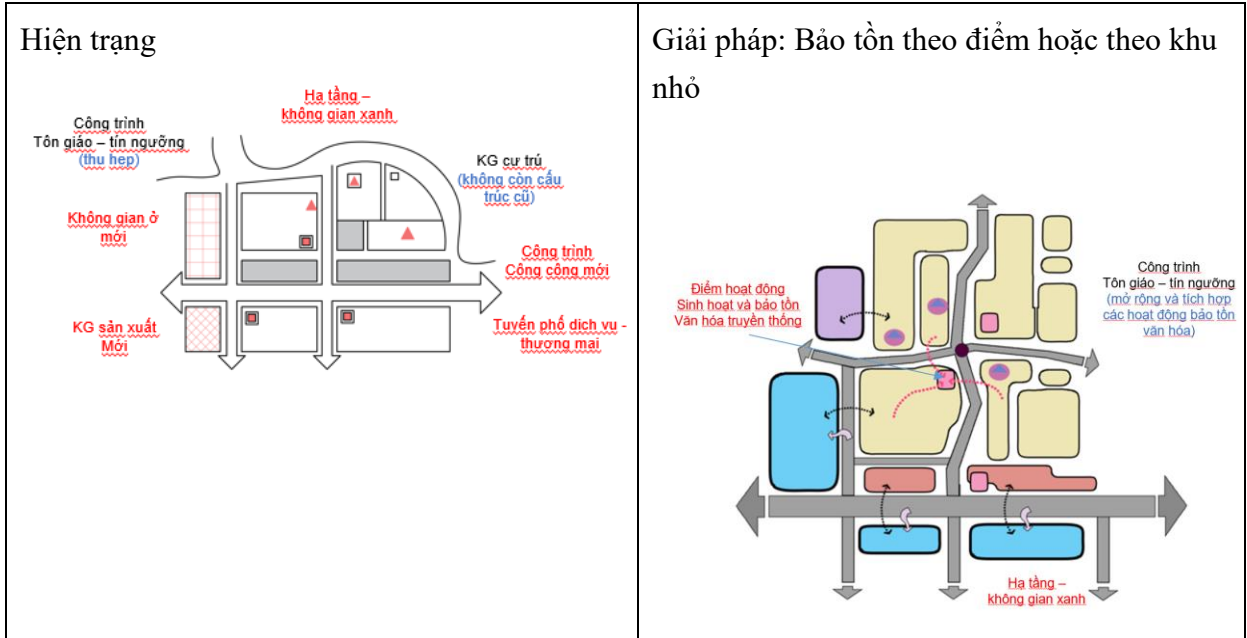
Sơ đồ bảo vệ không gian làng cổ

3.4.1. Cấu trúc làng dạng cải tạo, chỉnh trang và mở rộng làng cổ

- Làng biến đổi hoàn toàn
- + Cấu trúc không gian tổng thể bị thay đổi nhiều và diễn ra sự biến đổi mạnh trên cơ sở mở rộng về quy mô và tăng mật độ xây dựng.

+ Cảnh quan tự nhiên bị thu hẹp và mối tương quan giữa kiến trúc và không gian bị phá vỡ

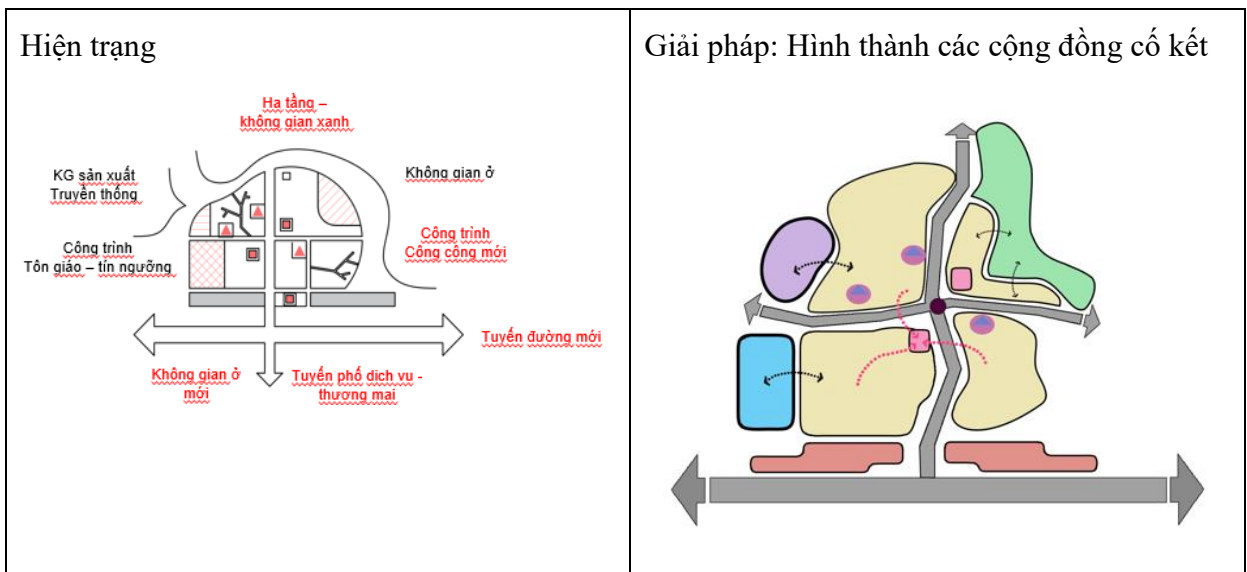
+ Đang trong quá trình quy hoạch phát triển với các dự án quy mô lớn: khu công nghiệp – chế xuất, khu đô thị, khu chức năng và các khu ở mới.



- Làng cổ biến đổi một phần

+ Không gian sản xuất truyền thống bị thu hẹp, hạ tầng và không gian xanh truyền thống vẫn còn được lưu giữ, các công trình công cộng truyền thống và nhà ở được bảo tồn tốt.

+ Xuất hiện các công trình công cộng mới và hạ tầng đô thị trong phạm vi làng cổ.

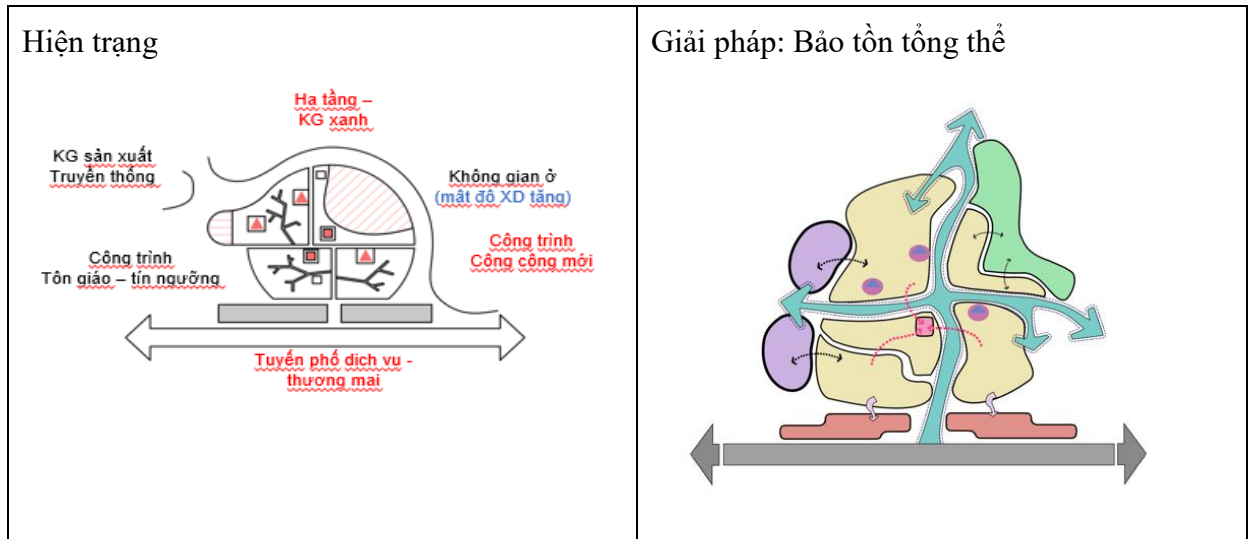


3.4.2. Cấu trúc làng dạng bảo tồn và phát huy giá trị

- Làng cổ gần như còn nguyên vẹn

+ Cấu trúc tổng thể và các công trình công cộng truyền thống còn khá nguyên vẹn

+ Xuất hiện các công trình công cộng mới và hạ tầng đô thị trong phạm vi làng cổ.



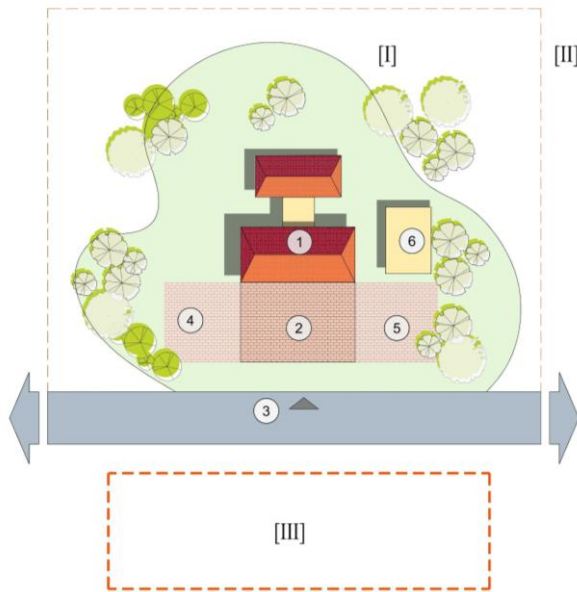
3.5. Đề xuất giữ gìn và phát triển kiến trúc làng cổ vùng ĐNB

3.5.1. Định hướng giữ gìn và phát triển kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng truyền thống

- Giữ gìn vị trí xây dựng công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống

- Bảo tồn cảnh quan công trình kiến trúc tôn giáo - tín ngưỡng truyền thống

- Giữ gìn và phát triển công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng truyền thống



I- Khu vực di sản

1. Công trình chính

2. Sân

3. Cổng

4, 5. Sân mở rộng

6. Công trình bổ sung

II- Khu vực bảo vệ di sản

III- Không gian kết nối

3.5.2. Định hướng giữ gìn và phát triển kiến trúc nhà ở truyền thống

a) Yêu cầu chung

- gìn giữ được văn hóa kiến trúc truyền thống qua việc lưu giữ hình thức kiến trúc, giải pháp tổ chức không gian của nhà ở vùng ĐNB.

- có thể kết hợp với các hoạt động khác mà không làm ảnh hưởng tới cảnh quan cũng như công trình chính: làm nghề thủ công, sân phơi nông sản, thương mại - dịch vụ...

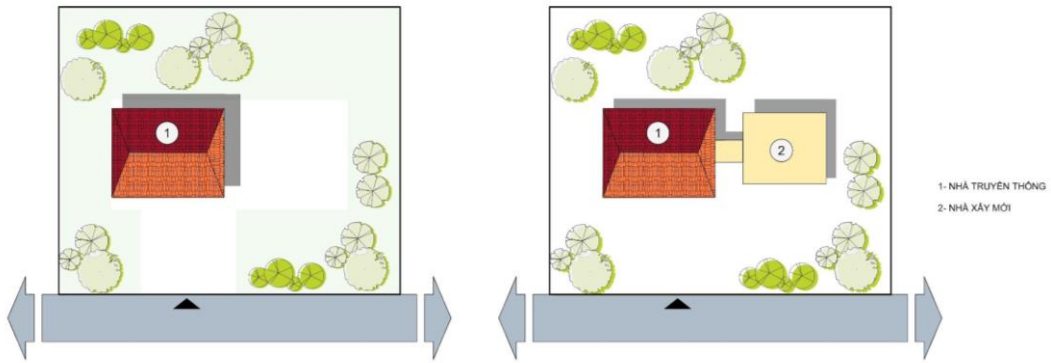
- đáp ứng được nhu cầu phát triển mở rộng không gian ở trong tương lai hoặc có các giải pháp thay thế

- đảm bảo điều kiện hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu tiện nghi ở của người dân, có các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải nông nghiệp/ thủ công nghiệp nhằm bảo vệ môi trường.

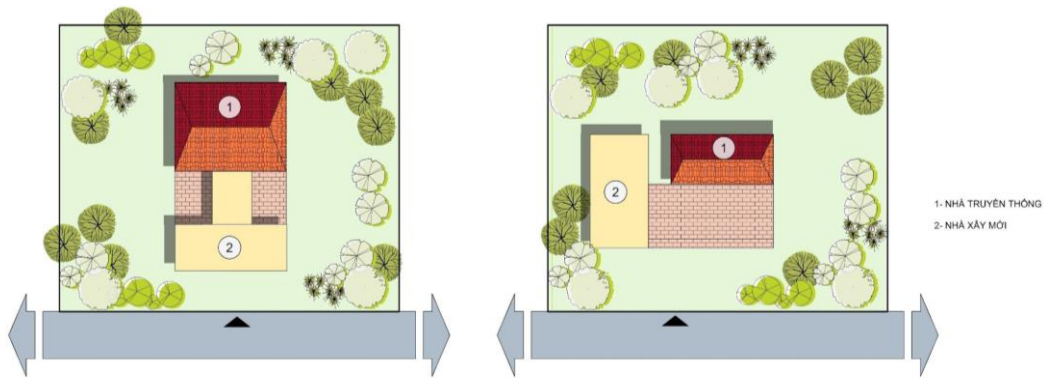
- giải quyết tốt điều kiện vi khí hậu cho ngôi nhà, tăng cường thông gió, chiếu sáng tự nhiên.

b) Giải pháp thiết kế mặt bằng tổng thể

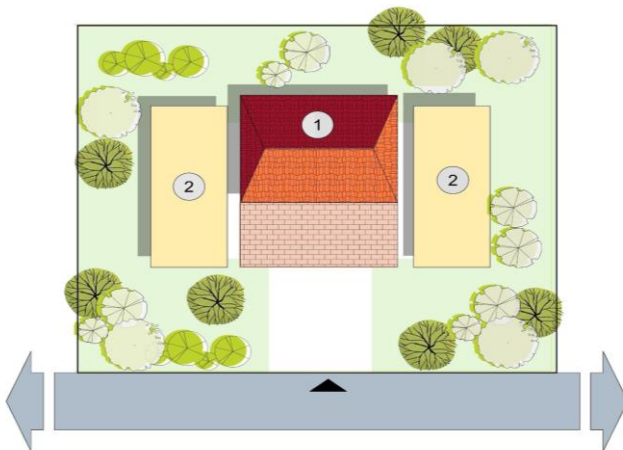
- Giải pháp tổ hợp kiểu chữ nhất



- Giải pháp tổ hợp kiểu chữ nhị và chữ đinh



- Giải pháp tổ hợp kiểu chữ môn



3.5.3. Định hướng phát triển kiến trúc xây mới

- Kiến trúc công trình công cộng xây mới: (1) Công trình công quyền (2) Công trình hạ tầng xã hội (3) Công trình thương mại – dịch vụ.

- Kiến trúc nhà ở xây mới: (1) nhà vườn (2) nhà ở kết hợp với sản xuất thủ công, (3) nhà ở kết hợp với dịch vụ buôn bán, thương mại.

3.6. Nghiên cứu trường hợp làng Phú Hội

3.6.1. Lịch sử phát triển làng Phú Hội

Từ năm 1975 đến nay: làng Phú Hội có tên chính thức là xã Phú Hội với diện tích tự nhiên là 1918,86 ha, chiều dài từ Bắc đến Nam xấp xỉ 4,13km, từ Đông sang Tây xấp xỉ 3,71 km.

Trong lịch sử phát triển không gian kiến trúc làng Phú Hội, diện mạo hiện nay của làng chịu ảnh hưởng lớn nhất từ các đồ án quy hoạch, bao gồm:

- Năm 2006: Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt)
- Năm 2007: Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Hội - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai. (UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt)
- Năm 2014: Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050
- Năm 2021: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nhơn Trạch.

Trong đó, đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Hội năm 2007 đã tái cơ cấu không gian và làm thay đổi cấu trúc nghề nghiệp của làng.

3.6.2. Hiện trạng không gian kiến trúc làng cổ Phú Hội

a. Cấu trúc không gian kiến trúc làng cổ Phú Hội

Nhà phát triển hai bên các trục đường giao thông

Nhà ở phát triển tập hợp theo từng cụm

Vùng cư trú tập trung

Vùng cư trú sông nước

Cảnh quan cư trú hiện nay: Cảnh quan của Phú Hội ngày nay là vùng nông thôn với tổng thể sông, rạch, đất ruộng, đất trền, đất thổ cư (nhà, đất vườn) và đất điền.

Tổ chức làng Phú Hội mang những đặc điểm sau (i) các yếu tố không gian thành phần như: không gian sản xuất nông nghiệp, không gian cư trú phân bố tách biệt; (ii) Khu vực trung tâm làng là nơi tập trung quyền lực, cũng như là nơi tổ chức các hoạt động cộng đồng; (iii) không có cổng làng và lũy tre làng để duy trì trật tự và phòng vệ cho làng; (iv) Cấu trúc giao thông mở, dễ dàng tiếp cận (v) hệ thống thủy văn phong phú, đa dạng, phục vụ cho sinh hoạt và canh tác

nông nghiệp (quy mô lớn và nhỏ) (vi) Hoạt động giao thương (chợ) diễn ra ở nơi có thể giao lưu với người dân ở vùng khác (vii) Cấu trúc đơn vị ở đa dạng.

b. Giao thông

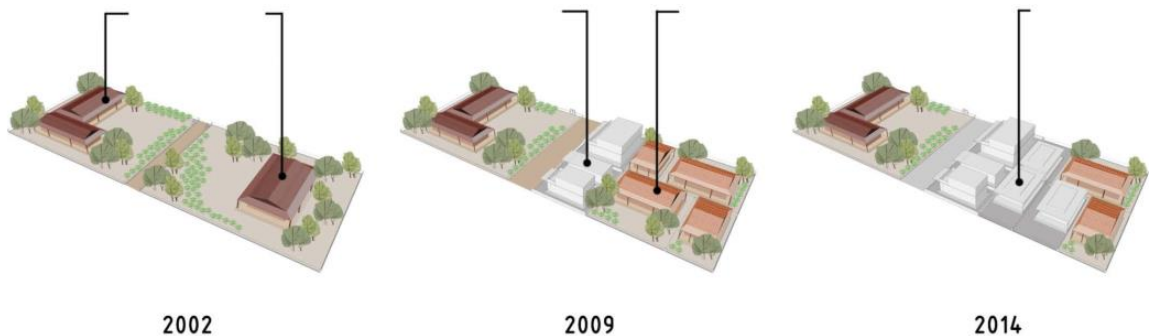
Đặc trưng giao thông đường bộ truyền thống của làng cổ Phú Hội là các tuyến đường nội bộ đều nương theo địa hình bán sơn và hệ thống mương nước cho các vườn cây trái có quy mô vừa và nhỏ nên không theo tuyến thẳng như ở các làng đồng bằng. Về quy mô và vật liệu hoàn thiện các tuyến đường nội bộ này thì đa dạng, trung bình các tuyến đường có bề rộng khoảng 3-4m bằng đất, gạch hoặc rải nhựa. Có thể nói, các tuyến đường nội bộ hẹp, quanh co cùng với hệ thống mương nước chằng chịt và vườn cây trái bao quanh các công trình nhà ở đã tạo nên một quang cảnh đặc trưng, hấp dẫn cho làng cổ Phú Hội.

Làng Phú Hội ngày nay vẫn giữ được khá nguyên vẹn cấu trúc tuyến đường cũ với hai trục đường chính - một trục đường dọc xuyên qua làng (nay là đường 25A) và một trục đường trung tâm nối làng với khu công nghiệp có quy mô lớn; và hệ thống đường nội bộ tiếp cận với các cụm dân cư và các công trình kiến trúc công cộng truyền thống của làng.

c. Đặc điểm công trình kiến trúc

Các công trình hạ tầng xã hội mới cũng được chú trọng xây dựng, đặc biệt là sau khi có chính sách Nông thôn mới. Trụ sở uỷ ban, trường học mầm non, tiểu học, trạm y tế... được đặt trên trục đường chính và có quy mô phù hợp với quy mô dân cư hiện tại của làng Phú Hội.

Các công trình công cộng truyền thống về cơ bản vẫn giữ được hình dạng ban đầu và được bảo tồn tốt. Tuy nhiên, các công trình kiến trúc nhà ở thì bị thay đổi nhiều. Đặc biệt là kiến trúc nhà rường cổ.



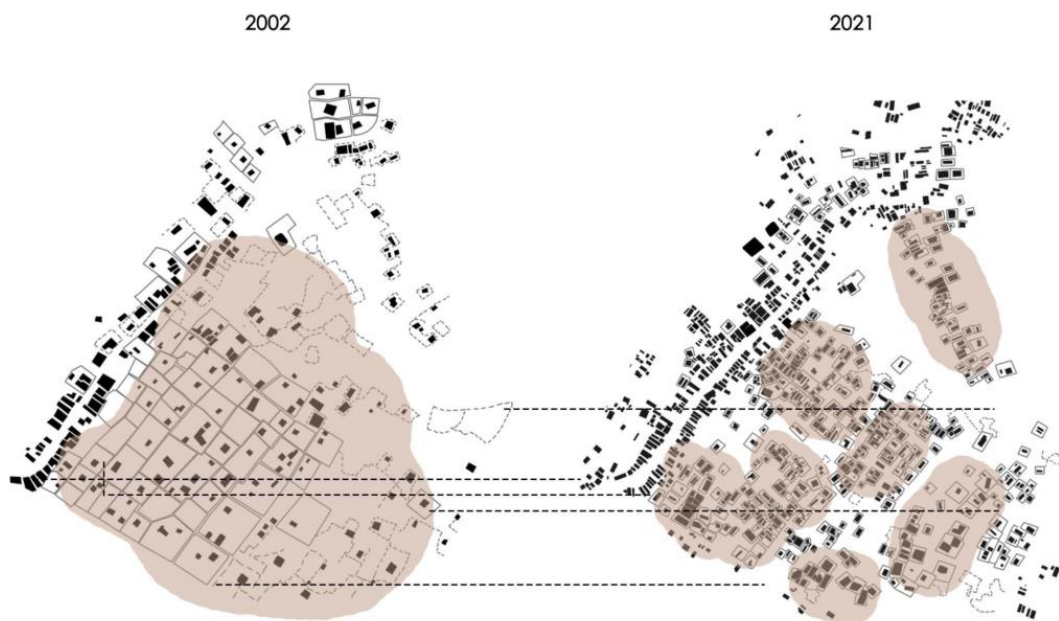


Sự biến đổi không gian ở tại làng Phú Hội

3.6.3. Nhận diện quá trình chuyển đổi làng Phú Hội

Làng Phú Hội là một trong những làng cổ năng động, thích ứng tiêu biểu ở vùng ĐNB. Từ một ngôi làng thuần nông với các loại hình trồng trọt và sản vật đa dạng, hình thức cư trú nhà vườn đặc sắc, trong 30 năm gần đây, làng Phú Hội đã có những bước phát triển mạnh, đa dạng về ngành nghề kinh tế. Do vậy, diện mạo hình thái làng đã có nhiều biến chuyển, xuất hiện nhiều khu vực có chức năng mới, phù hợp với lối sống đương đại.

Qua bản đồ thể hiện sự thay đổi mật độ cư trú (hình 3.28), ta nhận thấy sự thay đổi lớn nhất ở khu vực cư trú là các không gian hiện nay bị phân tách thành các cụm, hình ảnh liên mạch và tập trung của làng cổ Phú Hội trước đây đã bị phá vỡ. Làng Phú Hội, ở giai đoạn trước năm 1990, là làng có hội tụ đầy đủ các yếu tố để được công nhận là làng cổ: có đình cổ, chùa cổ, nhà cổ... thực tế sự chuyển đổi không gian kiến trúc thời gian vừa qua một mặt làm biến đổi quá nhiều đến cảnh quan làng một mặt đóng góp thêm cho diện mạo Phú Hội những hình ảnh cảnh quan đương đại, phù hợp với lối sống mới.



Quá trình chuyển đổi cấu trúc và mật độ cư trú của làng Phú Hội

3.6.4. Đánh giá giá trị không gian kiến trúc làng cổ Phú Hội

- Tiêu chí nghề truyền thống: Nghề truyền thống vẫn được bảo tồn bên cạnh nhiều sinh kế mới xuất hiện theo tiến trình đô thị hóa

- Tiêu chí cảnh quan đặc hữu: Có sự đan xen giữa chuyển đổi, tuy nhiên các đặc trưng chính của cảnh quan nông thôn (diện tích canh tác, đặc trưng địa hình...) vẫn tồn tại

- Tiêu chí cấu trúc không gian làng truyền thống: Cấu trúc giao thông truyền thống còn giữ, nhưng phát triển thêm ở những vùng mới. Các không gian chức năng mới xuất hiện đan xen chức năng cũ.

- Tiêu chí công trình công cộng truyền thống: Công trình công cộng truyền thống vẫn còn, bên cạnh đó nhiều công trình và không gian công cộng chức năng mới được xây dựng đan xen.

- Tiêu chí nhà ở truyền thống: Xuất hiện nhà ở dạng mới, hoặc chuyển đổi từ nhà cũ, trong khi nhà ở kiểu truyền thống vẫn tồn tại và được tôn tạo.

Tiêu chí		Đặc điểm, tính chất	Điểm (72/100)
1	Nghề truyền thống	- Nghề truyền thống vẫn được bảo tồn bên cạnh nhiều sinh kế mới xuất hiện theo tiến trình đô thị hóa	7
2	Cảnh quan thiên nhiên đặc hữu	- Có sự đan xen giữa chuyển đổi, tuy nhiên các đặc trưng chính của cảnh quan nông thôn (diện tích canh tác, đặc trưng địa hình...) vẫn tồn tại	15
3	Cấu trúc không gian làng truyền thống	- Cấu trúc giao thông truyền thống còn giữ, nhưng phát triển thêm ở những vùng mới.	15
		- Các không gian chức năng mới xuất hiện đan xen chức năng cũ	15
4	Công trình công cộng truyền thống (tôn giáo, công cộng...)	- Công trình công cộng truyền thống vẫn còn, bên cạnh đó nhiều công trình và không gian công cộng chức năng mới được xây dựng đan xen.	10
5	Nhà ở truyền thống	- Xuất hiện nhà ở dạng mới, hoặc chuyển đổi từ nhà cũ,	10

	trong khi nhà ở kiểu truyền thống vẫn tồn tại và được tôn tạo.	
--	--	--

3.6.5. Các giải pháp tổ chức không gian làng cổ Phú Hội



- (1) Không gian công cộng truyền thống
- (2) Không gian đệm - công viên
- (3) Không gian cư trú nhà vườn
- (4) Không gian canh tác vườn chè
- (5) Không gian dự trữ phát triển

3.7. Bàn luận kết quả nghiên cứu

(1) Bảo tồn và phát huy đối với làng cổ gần như còn nguyên vẹn

Đối với các làng gần như còn nguyên vẹn thì việc lưu giữ các hình thái kiến trúc ở đặc trưng; kỹ thuật xây dựng và sử dụng vật liệu truyền thống của địa phương và duy trì khoảng không gian sinh thái tự nhiên sẽ dễ dàng hơn. Nhưng trong tương lai, các làng cổ này sẽ dần biến đổi và chuyển sang trạng thái biến đổi một phần hoặc biến đổi hoàn toàn, do vậy, giải pháp phát triển mở rộng/ lan tỏa - chuẩn bị sẵn quỹ đất, cải thiện khu vực xung quanh phù hợp với địa hình và điều kiện tự nhiên. Đặc biệt, cần có những giải pháp quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phát triển cơ sở hạ tầng, khai thác tài nguyên hợp lý và xử lý các chất thải sinh hoạt, rác thải sản xuất trong tương lai.

(2) Cải tạo, chỉnh trang đối với các làng cổ chuyển đổi một phần

Chiến lược phát triển các làng cổ đã và đang phát triển mạnh nền kinh tế tại chỗ dựa trên việc nâng cao tính hấp dẫn của khu vực bằng cách phát huy giá trị mang tính "vùng miền" và củng cố cơ cấu kinh tế-xã hội. Theo đó, các hoạt động nghề truyền thống và các di sản văn hóa - thiên nhiên của làng cổ và vùng

phụ cận sẽ đóng vai trò trung tâm trong chiến lược kinh tế của các làng sinh thái trong tương lai. Để chiến lược thành công, việc cần thiết cần làm là nhận dạng các yếu tố cấu thành của không gian làng cổ để phát triển và trang bị cho làng những công cụ để bảo vệ và phát triển không gian làng theo những hướng độc đáo, phù hợp nhất với giá trị nội tại của làng. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cũng cần phải đáp ứng được nhu cầu của dân cư tại chỗ và dân cư trong tương lai.

(3) Cải tạo và mở rộng đối với các làng cổ biến đổi hoàn toàn

Về cơ bản, với các làng đã và đang tăng trưởng nhanh tốc độ đô thị hóa thì cấu trúc không gian tổng thể bị thay đổi nhiều và diễn ra sự biến đổi mạnh trên cơ sở mở rộng về quy mô và tăng mật độ xây dựng. Điều này dẫn đến cảnh quan tự nhiên bị thu hẹp và mối tương quan giữa kiến trúc và không gian bị phá vỡ. Trong quá trình xây dựng nông thôn mới xuất hiện thêm một số các không gian tiện ích phụ trợ như sân thể thao, trường mầm non, trụ sở ủy ban... và đặc biệt là các khu sản xuất làng nghề đối với các làng có nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

(4) Về bộ tiêu chí phân loại mức độ chuyển đổi không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB

Bên cạnh các nội dung: Nhận diện sự biến đổi không gian kiến trúc các làng cổ khu vực ĐNB với các giá trị tiêu biểu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội (ở chương 1), Các luận cứ khoa học về sự chuyển đổi không gian làng cổ vùng ĐNB thích ứng với quá trình phát triển kinh tế xã hội (ở chương 2) thì Nghiên cứu bộ tiêu chí phân loại chuyển hoá không gian làng cổ vùng ĐNB vừa là cơ sở để đánh giá khả năng thích ứng có đa dạng, hiệu quả và linh hoạt của không gian kiến trúc làng cổ ĐNB, vừa là nền tảng cho định hướng tổ chức không gian và các đề xuất khác như hạ tầng kỹ thuật, quản lý xây dựng, môi trường...

Bộ tiêu chí xây dựng điểm quy đổi dựa trên kết quả điều tra xã hội học (xem ở Phụ lục 1) về tính nhận diện của không gian kiến trúc làng cổ ĐNB được xã định theo thứ tự ưu tiên giảm dần (1) Nghề truyền thống: **20** (2) Cảnh quan thiên nhiên đặc hữu: **25** (3) Cấu trúc không gian làng truyền thống: **25** (4) Công trình công cộng: **20** (5) Nhà ở truyền thống: **10**. Bộ tiêu chí này nếu được áp dụng cần được xem xét đối với các làng có khả năng nhận diện khác biệt so với làng cổ vùng ĐNB

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án đã nghiên cứu, phân tích quá trình chuyển đổi không gian các làng cổ ĐNB đã nhận thấy chuyển đổi không gian làng là một quá trình liên tục nhằm thích nghi với những biến đổi quản trị - kinh tế - văn hóa – xã hội – môi trường. Thực tế phát triển khu vực nông thôn ở ĐNB trong thời gian qua cho thấy xuất hiện thay đổi trong chiến lược, chính sách đầu tư, thay đổi lối sống hay cách quản trị do vậy không gian làng cổ tất yếu sẽ có những chuyển đổi nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân.

Biến đổi hoàn toàn là làng đã và đang tăng trưởng nhanh do tốc độ đô thị hóa với cấu trúc không gian tổng thể bị thay đổi nhiều và diễn ra sự biến đổi mạnh trên cơ sở mở rộng về quy mô và tăng mật độ xây dựng. Điều này dẫn đến cảnh quan tự nhiên bị thu hẹp và mối tương quan giữa kiến trúc và không gian bị phá vỡ.

Chuyển đổi một phần là các làng ở các khu vực phát triển kinh tế - vùng kinh tế mới, gần đô thị - các thị trấn, thành phố (ở các tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu). Cảnh quan thiên nhiên bị biến đổi ít nhiều do các hoạt động khai thác kinh tế, phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ, du lịch, xây dựng thủy điện. Vẫn giữ được bộ cục mặt bằng tổng thể truyền thống, một số kiến trúc truyền thống (nhà cộng đồng – đình/ đền/ chùa/ miếu/ lăng của người Việt...). Các phong tục tập quán, lễ hội văn hóa, nghề truyền thống cũng bị mai một dần theo thời gian.

Làng còn nguyên trạng Là làng lưu giữ được nhiều giá trị không gian kiến trúc truyền thống nhất thường gồm các làng ở vùng sâu, vùng xa – khu vực kinh tế kém phát triển (khu vực Tây Ninh, Bình Phước). Cảnh quan thiên nhiên dường như còn nguyên vẹn. Đến nay các làng vẫn giữ được cấu trúc tổng thể làng truyền thống. Phần lớn kiến trúc nhà cửa truyền thống cũng vẫn được bảo tồn. Các phong tục tập quán, lễ hội văn hóa, nghề truyền thống vẫn được duy trì, thu hút sự khám phá của khách du lịch.

Tổ chức không gian kiến trúc mà luận án đề xuất là dựa trên kết quả nghiên cứu về đặc điểm chuyển đổi của cấu trúc không gian qua các giai đoạn lịch sử của làng cổ ĐNB cũng như dựa trên hệ thống lý luận về không gian kiến trúc cảnh quan nông thôn, về bảo tồn di tích và đặc biệt là lý thuyết về chuyển hóa luận về không gian làng cổ được xây dựng riêng cho luận án.

Trong nghiên cứu, tác giả đã có các đề xuất mới nhằm định hướng phát triển và bảo tồn không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

1. Hệ thống hóa lý luận về làng cổ ĐNB, xác định các giá trị không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB

Tổ chức không gian kiến trúc mà luận án đề xuất là dựa trên kết quả nghiên cứu về đặc điểm chuyển đổi của cấu trúc không gian qua các giai đoạn lịch sử của làng cổ ĐNB cũng như dựa trên hệ thống lý luận về không gian kiến trúc cảnh quan nông thôn, về bảo tồn di tích và đặc biệt là lý thuyết về chuyển hóa luận về không gian làng cổ được xây dựng riêng cho luận án.

Cấu trúc không gian kiến trúc làng cổ, như đã phân tích ở trên, vừa phản ánh vừa bị chi phối bởi các yếu tố: Quản trị, Kinh tế - xã hội; Văn hóa - Lịch sử; Môi trường tự nhiên - BDKH. Đồng thời phải thỏa mãn 5 tiêu chí: Nghề truyền thống - Cảnh quan thiên nhiên đặc hữu - Cấu trúc không gian làng truyền thống - Công trình công cộng truyền thống (tôn giáo, công cộng...) - Nhà ở truyền thống. Trong phân tích các yếu tố và tiêu chí nêu trên, luận án chỉ rõ thuộc tính quan trọng nhất đối với không gian làng cổ ĐNB thích ứng là tính linh hoạt và quan hệ biện chứng giữa yếu tố khả biến và bất biến trong quá trình chuyển đổi cấu trúc không gian.

2. Nhận diện sự chuyển đổi của không gian kiến trúc làng cổ vùng ĐNB trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của vùng Đông Nam Bộ.

Phân tích quá trình chuyển đổi không gian 14 làng cổ ĐNB sẽ nhận thấy được chuyển đổi không gian làng là một quá trình liên tục nhằm thích nghi với những biến đổi quản trị - kinh tế - văn hóa - xã hội - môi trường. Thực tế phát triển khu vực nông thôn ở ĐNB trong thời gian qua cho thấy: thường xuất hiện thay đổi trong chiến lược, chính sách đầu tư, thay đổi lối sống hay cách quản trị do vậy không gian làng cổ tất yếu sẽ có những chuyển đổi nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

3. Xây dựng hệ tiêu chí xác định mức độ chuyển đổi của các làng cổ vùng Đông Nam Bộ.

Hiện nay, làng cổ vùng Đông Nam Bộ đã bị chuyển đổi ở ba mức độ khác về không gian kiến trúc: (1) Biến đổi hoàn toàn, (2) Chuyển đổi một phần, (3) gần như còn nguyên trạng. Làng lưu giữ được nhiều giá trị không gian kiến trúc truyền thống nhất là các làng ở vùng sâu, vùng xa - khu vực kinh tế kém phát triển (khu vực Tây Ninh, Bình Phước). Cảnh quan thiên nhiên dường như còn nguyên vẹn. Đến nay các làng vẫn giữ được cấu trúc tổng thể làng truyền thống. Phần lớn kiến trúc nhà cửa truyền thống cũng vẫn được bảo tồn. Các phong tục tập quán, lễ hội văn hóa, nghề truyền thống vẫn được duy trì, thu hút sự khám phá của khách du lịch. Làng cổ đã chuyển đổi một phần là các làng ở các khu vực phát triển kinh tế - vùng kinh tế mới, gần đô thị - các thị trấn, thành phố (ở các tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu). Cảnh quan thiên nhiên bị biến đổi ít

nhieu do các hoạt động khai thác kinh tế, phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ. du lịch, xây dựng thủy điện. Vẫn giữ được bộ cục mặt bằng tổng thể truyền thống, một số kiến trúc truyền thống (nhà cộng đồng - đình/ đền/ chùa/ miếu/ lăng của người Việt...). Các phong tục tập quán, lễ hội văn hóa, nghề truyền thống cũng bị mai một dần theo thời gian.

4. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc đối với từng thể loại làng cổ được đánh giá và phân loại

Dựa trên các lý luận về chuyển đổi không gian và dựa trên phân tích 6 chức năng của không gian nông thôn: định cư, sản xuất, dịch vụ, sinh thái, giải trí, hoạt động cộng đồng, luận án đưa ra giải pháp tổ chức không gian của 3 không gian chức năng làng bao gồm: (1) Không gian cư trú (2) Không gian kinh tế (3) Không gian sinh thái - nghỉ dưỡng - sinh hoạt cộng đồng. Các không gian này không hoàn toàn bao chứa các hạng mục quỹ đất như ở các quy định hiện hành của VN về quy hoạch, nhưng việc phân tách như trên sẽ hiệu quả hơn trong việc tổ chức không gian - vừa bảo vệ được di sản vật thể và di sản phi vật thể của làng cổ, vừa thuận lợi cho việc phát triển và điều tiết trong tương lai. Riêng các hoạt động thương mại - dịch vụ sẽ được tích hợp và phân bố theo bán kính phục vụ và các điểm thuận lợi giao thông liên vùng.

2. Kiến nghị

Qua khảo sát, đánh giá và phân loại, hiện nay phần lớn các làng cổ ĐNB đang ở mức độ chuyển đổi một phần không gian kiến trúc gồm 7 làng, số làng còn nguyên trạng gồm 4 làng, số làng biến đổi hoàn toàn gồm 3 làng. Nhìn về khía cạnh xu hướng, các làng hiện nay có mức độ chuyển đổi thấp thì trong tương lai, không gian kiến trúc của các làng này sẽ dần tịnh tiến và sẽ bị biến đổi hoàn toàn. Do vậy, từ các nội dung nghiên cứu của luận án, khi áp dụng vào thực tiễn triển khai các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch nông thôn mới hay quy hoạch chi tiết, cần có những bước thu thập dữ liệu nhằm đưa ra được các dự báo ngắn hạn, dài hạn, khi đó, quy mô của các phân khu sẽ cụ thể và phù hợp hơn.

Qua kết quả nghiên cứu của luận án, đối với các ngôi làng cổ xưa (có niên đại thành lập lâu đời nhất ở một vùng đất) không chỉ ở Đông Nam Bộ mà ở các khu vực khác, sau khi tổng hợp các dữ liệu hiện trạng, từng nội dung có thể được đánh giá định tính với 5 tiêu chí xác định mức độ chuyển đổi và từ đó đưa ra được các giải pháp định hình và định lượng đối với không gian kiến trúc.

Ngoài ra, các nghiên cứu tiếp theo cần được triển khai cần có:

- Chuyển đổi cấu trúc không gian làng cổ ĐNB là một quá trình liên tục và phức tạp, trong đó có các thành phần được lưu giữ, thay thế và phát triển, từ đó, định hình nên diện mạo cấu trúc hiện nay của làng. Do vậy, trong tương lai cần có những chiến lược cụ thể nhằm làm chủ được quá trình chuyển đổi nghĩa là chủ động lưu giữ và thay thế các không gian chức năng, bên cạnh đó, hỗ trợ tốt và kiểm soát được quá trình phát triển trong tương lai.

- Dựa trên định hướng vai trò của từng làng cổ ĐNB trong mối liên hệ vùng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa tại địa phương, điều chỉnh và bổ sung các không gian chức năng nhằm thích ứng được với quá trình phát triển.

- Tạo lập các khả năng thay đổi của không gian thành phần có thể đáp ứng được nhu cầu thay đổi (có thể dự báo hoặc không) trong tương lai.

- Hệ thống hạ tầng khung của làng cổ ĐNB cần có khả năng chuyển đổi để đáp ứng được các nhu cầu phát triển của làng, từ nhu cầu trước mắt đến dự phòng cho nhu cầu trong tương lai.

- Trong quá trình phát triển, các chức năng biến đổi liên tục sẽ tạo nên những can thiệp trực tiếp tới môi trường tự nhiên. Vì vậy, yếu tố cân bằng động về môi trường cần phải được thiết lập: trong đó, khoanh vùng các không gian sinh thái cần được bảo tồn nguyên vẹn và các không gian có thể đưa thêm các chức năng hỗn hợp.

Nhận thức chung về di sản làng cổ vùng ĐNB ở các cấp, ngành trước đây và hiện nay còn nhiều hạn chế. Các hoạt động liên quan đến di sản làng cổ hiện gói gọn việc trùng tu và bảo tồn các công trình di tích đã được xếp hạng, do vậy, không có các phương án hay giải pháp bảo tồn và phát triển các giá trị làng cổ ở tầm vĩ mô. Điều này dẫn đến hệ quả là không gian kiến trúc của các làng cổ vùng ĐNB ngày càng mai một. Trong tương lai, Chính quyền các tỉnh ĐNB cần có các giải pháp giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị làng cổ trong khu vực.

Vùng Đông Nam Bộ cần bổ sung các tổ chức chuyên ngành nhằm đánh giá và nhận diện đầy đủ những giá trị của quỹ di sản ngàn đời ở các làng truyền thống một cách thống nhất và bài bản, thể hiện được nét đặc trưng cũng như giá trị không gian kiến trúc cảnh quan nơi đây. Từ đó, xây dựng các hướng dẫn cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương và gia tăng mức độ tham gia của người dân vào chính các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản.

